

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai kết quả phê duyệt danh sách học sinh hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023 (năm học 2022-2023)

Căn cứ vào Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ quyết định số 197/QĐ – UBND, ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc phê duyệt danh sách học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023, năm học 2022-2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường mầm non 7/5;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả phê duyệt danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ về Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2023, năm học 2022-2023. (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Tổng số học sinh và kinh phí cụ thể như sau:

- Tổng số học sinh: 02 học sinh trong đó: Học sinh 3- 4 tuổi: 01 học sinh. Học sinh 5 tuổi: 01 học sinh

- Tổng số tiền chi hỗ trợ ăn trưa và tổ chức nấu ăn là: 1.600.000 đồng
(Tiền bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Giao bộ phận liên quan, kế toán nhà trường tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các bộ phận, đoàn thể, tổ chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CBGV, NV trường Mầm non 7/5;
- Phụ huynh học sinh toàn trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phúc

CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Kèm theo QĐ số/QĐ-MNHL, ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng
trường Mầm non Him Lam)

Đơn vị tính: đồng

Các khoản thu	Tổng số học sinh	Tổng số tiền	Ghi chú
I. Theo quy định: - Học phí	- 250 trẻ theo các mức khác nhau	89.500.000đ	
II. Thu thỏa thuận phục vụ cho công tác ăn bán trú 1. Tiền ăn 2. Tiền trực trưa 3. Tiền thuê công phục vụ 4. Tiền nước uống 5. Tiền vệ sinh	25.000đ/ngày 5.000 đ/ ngày 8.000/ngày 5.000/tháng 90.000đ/năm	250.00đ/ngày 5.000 đ/ ngày 8.000/ngày 5.000đ/ tháng 21.500.000đ/năm	Tính theo ngày Thu theo tháng Thu theo tháng Thu theo năm Thu theo năm
III. Kết quả vận động tài trợ tính đến ngày 31/12/2021 1. Tài trợ Cơ sở vật chất trường, lớp: 2. Hỗ trợ các hoạt động học tập và phong trào của học sinh:	- Có 260 cá nhân tài trợ bằng tiền mặt - Có 263 nhân tài trợ bằng tiền mặt	35.925.000 <i>(Ba mươi năm triệu chín trăm hai năm ngàn đồng</i> 44.960.000 <i>(Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)</i>	Có danh sách cá nhân tài trợ kèm theo Có danh sách cá nhân tài trợ kèm theo